TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 17-03-2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lộc

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại hội trường Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2020/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 1 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cù Xuân T, sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm A, xã DC, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

(có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/02/2020)

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm A, xã DC, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

(có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/02/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Cù Xuân Thắng trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T kết hôn với nhau vào ngày 22/1/2014 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã DC, huyện DC, tỉnh Nghệ An. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, đến tháng 6 năm 2019 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thiếu niềm tin với nhau, chị T không thủy chung với anh T dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay cắt đứt mọi tình cảm. Nay tỉnh cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng không thể đoàn tụ nên anh Thắng đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Cù Đăng K sinh ngày 21/12/2014 và Cù Thị Thủy T 27/07/2016. Hiện con chung là Cù Đăng K đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung là Cù Thị Thủy T đang ở với anh T. Ly hôn anh T đề nghị được giao con chung là Cù Đăng K cho chị T nuôi dưỡng. Anh T đề nghị được giao quyền nuôi con chung là Cù Thị Thủy T và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Anh Cù Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết quan phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Tại bản trình bày, đơn không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

-Về hôn nhân: Chị Trần Thị T thống nhất kết hôn với anh Cù Xuân T có đăng ký kết hôn như anh T trình bày ở trên là đúng. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, không có niềm tin, không có lập trường về tình cảm. Chị T đã nhiều lần thuyết phục và khuyên ngăn anh T thay đổi để sống hòa hợp nhưng anh T không chịu. Nay anh Cù Xuân T yêu cầu ly hôn thì chị Trần Thị T cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày ở trên là đúng. Hiện tại cháu K do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ly hôn chị T có nguyện vọng được giao quyền nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng một tháng 2.000.000 đồng/2 con. Anh T chạy xe ôm nghề nghiệp không ổn định, chị T công việc ổn định thu nhập mỗi tháng từ 8.000.000đ - 9.000.000đ tại công ty Aureole BCD - Hải Dương.

-Về tài sản: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng.

Do chị T đi làm xa không thể có mặt tham gia phiên tòa. Chị Thắm có làm đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn chị Trần Thị T có nơi cư trú tại xóm A, xã DC, huyện DC, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An. Nguyên đơn anh Cù Xuân T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ

vào khoản 4 Điều 207 của BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nguyên đơn anh Cù Xuân T và bị đơn chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS. Tòa án xét xử vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T kết hôn với nhau vào ngày 22 tháng 1 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã DC, huyện DC, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T phát sinh mẫu thuẫn là do vợ chồng cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T đều thừa nhận vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Cuộc sống vợ chồng của anh T và chị T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T được ly hôn.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Cù Đăng K sinh ngày 21/12/2014 và Cù Thị Thủy T, sinh ngày 27/07/2016. Ly hôn anh T và chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu của chị T xin được nuôi cả hai con chung với lý do anh T chạy xe ôm, nghề nghiệp không ổn định. HĐXX xét thấy hiện nay anh T và chị T mỗi người đều nuôi dưỡng một con chung, anh T làm nghề làm nghề nhân viên kinh doanh thuộc công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hà An Cát thu nhập mỗi tháng hơn 6.000.000đ. Anh T và chị T đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, yêu cầu được giao quyền nuôi cả hai con chung của chị T không có căn cứ chấp nhận. HĐXX xét thấy cần căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho mỗi người nuôi một con chung, giao con chung là Cù Thị Thủy T cho anh T nuôi dưỡng, giao con chung là Cù Đăng K cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng

[5]. Về án phí: anh Cù Xuân T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo. Anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T có hai con chung là Cù Đăng K sinh ngày 21/12/2014 và Cù Thị Thủy T, sinh ngày 27/07/2016. Giao con chung là Cù Thị Thủy T cho anh Cù Xuân T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là Cù Đăng K cho chị Trần Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Cù Xuân T và chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Cù Xuân T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số AA/2018/0004930 ngày 13/01/2020

5. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã DC;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thế Kỷ